

Số: 04/2023/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duyên Đ – sinh năm 1948
Nơi ĐKHKTT: Thôn T2, xã C, huyện U, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K – sinh năm 1965
Nơi ĐKHKTT: Thôn T2, xã C, huyện U TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1987 HKTT:
Tổ số 05, P. L, quận H7, TP. Hà Nội
(Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021)

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn:**

3.1. Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1955

3.2. Chị Nguyễn Thị Y – sinh năm 1976

3.3. Anh Nguyễn Duyên A – sinh năm 1977

Đều có HKTT: Thôn T2, xã C, huyện U, TP Hà Nội.

3.4. Chị Nguyễn Thị H1 – sinh năm 1982

HKTT: Tổ 23, thị trấn Đ3, huyện Đ3, Tp. Hà Nội

3.5. Chị Duyên Thị Thúy H2 – sinh năm 1985

HKTT: Xóm 2, thôn 1, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H1, chị Duyên Thị Thúy Hà là ông Nguyễn Duyên Đ – sinh năm 1948; Nơi ĐKHKTT: Thôn T2, xã C, huyện U, TP Hà Nội.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2020)

3.6. Chị Duyên Thị Bích H3 – sinh năm 1985

3.7. Chị Phạm Thị Thu H2 – sinh năm 1988

3.8. Cháu Nguyễn Khánh H4 – sinh ngày 02/9/2012

3.9. Cháu Nguyễn Duyên T – sinh ngày 28/4/2014

Đều có HKTT: Thôn T2, xã C, huyện U, TP Hà Nội.

(Anh Duyên A và chị Thu H2 là người đại diện theo pháp luật của cháu Huyền và cháu Tuấn)

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:**

3.10. Ông Nguyễn Duyên T1 – sinh năm 1932

HKTT: Thôn T2, xã C, huyện U, TP. Hà Nội.

3.11. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1987

HKTT: Tổ 5, phường L, quận H7, TP. Hà Nội

3.12. Anh Nguyễn Duy H5 – sinh năm 1990

3.13. Anh Nguyễn Duyên H6 – sinh năm 1993

3.14. Chị Lê Thị Lan A1 – sinh năm 1991

3.15. Cháu Nguyễn Duyên Bảo Đ1 – sinh năm 2019

Đều có HKTT: Thôn T2, xã C, huyện U, TP Hà Nội.

(Anh Hưng và chị Lan Anh là người đại diện theo pháp luật của cháu Đăng).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định diện tích đất tranh chấp:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định diện tích đất tranh chấp là 1,8m² (được thể hiện từ điểm 1,2,3 – Hình 3, theo sơ đồ); diện tích này thuộc thửa đất số 222 tờ bản đồ 08, tại thôn T2, xã C, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội đã được UBND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số B0 912144, cấp ngày 24/7/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Duyên Đ.

2. Sự thỏa thuận thống nhất của các đương sự.

2.1. Các đương sự đều xác nhận phần diện tích đất 1,8m² (Hình 3) gia đình bà Nguyễn Thị K đã bàn giao trả cho gia đình ông Nguyễn Duyên Đ và hiện tại gia đình ông Đ đang quản lý sử dụng có số đo, tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp diện tích đất ngõ công có số đo: 0,23m (từ điểm 1 đến 2);

+ Phía Đông giáp diện tích đất gia đình bà Nguyễn Thị K có số đo là 10,81m (từ điểm 2 đến 3);

+ Phía Tây giáp diện tích đất gia đình hộ ông Nguyễn Duyên Đ có số đo là 10,81m (từ điểm 1 đến 3);

+ Phía Nam có điểm mốc cố định (điểm số 3) giữa thửa đất của hộ ông Nguyễn Duyên Đ tiếp giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị K.

(có sơ đồ kèm theo)

2.2. Đối với các điểm mốc giới của hai thửa 222 và thửa 224 tờ bản đồ 08.

Các đương sự đều xác nhận không có tranh chấp mốc giới liên quan đến thửa đất 222 tờ bản đồ 08, diện tích 316,1m² tại thôn T2, xã C, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội của hộ ông Nguyễn Duyên Đ có số đo, tứ cận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Ứng Hòa cấp thành phố Hà Nội cấp ngày 24/7/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Duyên Đ và thửa đất 224, tờ bản đồ 08, diện tích 481,1m² tại thôn T2, xã C, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội của gia đình bà Nguyễn Thị K.

Các đương sự đều xác nhận số đo các cạnh và tứ cận của hai thửa đất nêu trên theo sổ mục kê và sơ đồ đo đạc năm 2014 được UBND các cấp có thẩm quyền lưu trữ và quản lý.

3. Về chi phí thẩm định, chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Giá trị tài sản tranh chấp là 1,8m² x 4.500.000 đ/m² = 8.100.000đ (tám triệu một trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Duyên Đ tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 202.500 đồng. Ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí phần ông phải chịu và còn phải nộp số tiền 101.500 đồng được đối trừ số tiền 2.000.000đ ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009847 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa. Hoàn trả lại ông Đ số tiền 1.898.500đ (Một triệu tám trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng)

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Bích Hằng